

Bản án số: 535/2024/HC-PT

Ngày: 24/9/2024

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Việt Hà;

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 320/2024/TBTL-HC ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện với Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10697/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1992, địa chỉ: A Tòa nhà S, phường K, quận H, thành phố Hà Nội vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:** Luật sư Đỗ Ngọc T – Công ty L – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số A Tòa nhà S, phường K, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

**Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Do ông Lê Ô P - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang là người đại diện theo

ủy quyền, (văn bản ủy quyền số 98/QĐ-UBND, ngày 12/01/2024), vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang và UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND huyện Y người đại diện theo ủy quyền, (Quyết định ủy quyền số 5298/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Y), vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do ông Nguyễn Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND huyện Y người đại diện theo ủy quyền, (Quyết định ủy quyền số 5298/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Y), vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962, (chồng bà N), vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, (con bà N), vắng mặt;

4. Chị Nguyễn Thị Lan H1, sinh năm 1995, (con bà N), vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:**

Hộ gia đình bà gồm có bà, chồng bà là ông Nguyễn Văn H và 02 người con của ông bà là anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Lan H1 là chủ sử dụng phần đất có diện tích 176m<sup>2</sup>, trong đó đất ở là 102m<sup>2</sup>, đất hành lang giao thông là 74m<sup>2</sup> tại thửa số 211, tờ bản đồ số 13 tại thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2000. Nguồn gốc diện tích đất trên là do gia đình bà nhận chuyển nhượng của gia đình cụ Nguyễn Nhật T2 từ năm 1989. Tháng 3/2022, UBND huyện Y thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 292, (đoạn từ cầu B đến thị trấn P), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình thực hiện Dự án, hộ gia đình bà đã bị thu hồi 31,95m<sup>2</sup> đất nằm trong phần diện tích 176 m<sup>2</sup> đất mà gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc UBND huyện Y thu hồi phần đất có diện tích 31,95m<sup>2</sup> nhưng không bồi thường cho gia đình bà tiền đất và tiền tài sản trên đất là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình bà. Bà đã có đơn khiếu nại đối với hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y trong việc thu hồi đất nhưng chưa bồi thường đất và các tài sản trên đất khi thu hồi.

Ngày 31/10/2022, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 4535/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại, (lần đầu) của bà có nội dung: “ **Điều 1:** Giữ nguyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y về việc chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã T thực hiện bảo vệ thi công làm đường vào 31,95m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13 ở thôn S, xã T của gia đình bà Nguyễn Thị

*N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 để mở rộng đường tỉnh lộ 292” và “**Điều 2:** Không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 31,95m<sup>2</sup> đất theo khiếu nại của bà Nguyễn Thị N”*

Không nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại, (lần đầu) của Chủ tịch UBND huyện Y, bà tiếp tục có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. Ngày 31/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 463/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, (lần hai) có nội dung: “ *Thống nhất với giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Y tại Quyết định số 4535/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn S, xã T, huyện Y (lần đầu)*”.

Không nhất trí với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y và Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4535/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 về giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Y;

- Hủy Quyết định số 463/QĐ-UBND, ngày 31/3/2023 về giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh B;

- Hủy Kết luận thanh tra số 263/KL-UBND, ngày 14/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y.

Buộc Chủ tịch UBND huyện Y thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

**Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Y và UBND huyện Y do ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày:**

- *Về trình tự và thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính:* Ngày 31/10/2022, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 4535/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn S, xã T, huyện Y, (lần đầu) là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011; khoản 2, Điều 204 Luật đất đai năm 2013.

- *Về nội dung vụ việc:* Thực hiện Quyết định số 2458/QĐ-UBND, ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT.292, (đoạn từ cầu B đến thị trấn P), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. UBND huyện Y xây dựng Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 30/8/2021 về việc thu hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT.292, (đoạn từ cầu B đến thị trấn P), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Năm 2021, trong quá trình triển khai thực hiện Dự án trên địa bàn huyện Y có một số hộ dân có ý kiến liên quan đến diện tích đất hành lang ghi trong GCNQSDĐ, Chủ tịch UBND huyện Y đã thành lập Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xem xét việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân; trên cơ sở báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra, ngày 14/12/2021 Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Kết luận số 263/KL-UBND về công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân kết luận: "*Việc cấp 39 GCNQSDĐ có ghi phần diện tích đất hành lang giao thông tạm giao và lâu dài, hình thức sử dụng đất hành lang, (sử dụng riêng)*

cho các hộ gia đình là không đúng quy định của Luật đất đai ....qua các thời kỳ", (trong đó có Giấy CNQSDĐ của hộ bà Nguyễn Thị N).

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Y chỉ đạo thành lập Đoàn thanh tra, tiến hành thanh tra công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Luật thanh tra năm 2010, Nghị định số 86/NĐ-CP, ngày 22/9/2011 của Chính phủ và Thông tư số 05/2014/TT- TTCP, ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.

Đối chiếu với Giấy CNQSDĐ và hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ năm 2000 của hộ bà Nguyễn Thị N thể hiện: Tại đơn đăng ký QSDĐ ngày 23/10/2000, ghi thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 176m<sup>2</sup> (trong đó có 102m<sup>2</sup> đất thổ cư, 74m<sup>2</sup> đất hành lang giao thông), thời hạn sử dụng lâu dài, có ký nhận người sử dụng đất tự kê khai là bà Nguyễn Thị N và tại phần xác nhận của UBND xã T có nội dung đề nghị duyệt cấp 176m<sup>2</sup> đất. Nhưng tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới của thửa đất đã không thể hiện chỉ giới hành lang đường. Tại Giấy CNQSDĐ đã được cấp có ghi thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 176m<sup>2</sup>, (trong đó có 102m<sup>2</sup> đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài, 74m<sup>2</sup> đất hành lang tạm giao).

- Ngày 09/3/2022, UBND xã T lập biên bản xác định diện tích thực tế thực hiện kế hoạch bảo vệ thi công đối với hộ bà N, trong đó xác định diện tích bảo vệ thi công làm đường là 31,95m<sup>2</sup> đất hành lang giao thông.

Căn cứ khoản 1, Điều 75 và khoản 2, Điều 82 Luật đất đai 2013 thì diện tích 31,95m<sup>2</sup> thuộc hành lang giao thông không đủ điều kiện được bồi thường tiền, do vậy UBND huyện Y không lập phương án thu hồi đất, không bồi thường tiền là đúng quy định của pháp luật.

Việc bà Nguyễn Thị N không nhất trí với phương án thu hồi đất của UBND huyện Y và khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y về việc đã lấy đất của gia đình bà N để mở rộng đường tỉnh lộ 292 đi qua xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng không đền bù tiền là không có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, việc bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Y thực hiện việc bồi thường tiền về đất HLG 31,95m<sup>2</sup> theo giá đất ở và bồi thường về tài sản trên đất là các cây trồng trên diện tích đất trên là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Toà nhân dân tỉnh Bắc Giang bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

**Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang do ông Lê Ô P - Phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

- Về trình tự và thẩm quyền giải quyết vụ việc:

Ngày 31/10/2022, Chủ tịch UBND huyện Y có Quyết định số 4535/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn S, xã T, huyện Y, (lần đầu). Không nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại, (lần đầu), bà Nguyễn Thị N có đơn khiếu nại gửi tới Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. Chủ tịch

UBND tỉnh Bắc Giang đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang xác minh, đối thoại với công dân theo quy định; kết luận và đề xuất biện pháp giải quyết.

Ngày 31/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định số 463/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (lần hai).

Việc Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã giải quyết khiếu nại (lần hai) thể hiện tại Quyết định số 463/QĐ-UBND, ngày 31/3/2023 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011; đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều: 36, 37, 38, 39, 40 của Luật khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 204 của Luật đất đai năm 2013.

- *Diễn biến vụ việc:* Thực hiện Quyết định số 2458/QĐ-UBND, ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 292, (đoạn từ cầu B đến thị trấn P), huyện Y, tỉnh Bắc Giang, (sau đây gọi tắt là Dự án); UBND huyện Y xây dựng Kế hoạch số 36/KH-UBND, ngày 30/8/2021 về việc thu hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện Dự án. Trong quá trình thực hiện Dự án UBND huyện Y đã tiến hành thu hồi 31,95m<sup>2</sup> đất HLGTT nằm trong diện tích 176m<sup>2</sup> đất mà gia đình bà Nguyễn Thị N đã được cấp Giấy CNQSDĐ nhưng không tiến hành bồi thường tiền.

Không nhất trí, bà N có đơn khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y. Chủ tịch UBND huyện Y đã thành lập Tổ xác minh, tham mưu, đề xuất biện pháp giải quyết khiếu nại của bà N.

Trên cơ sở báo cáo xác minh, đề xuất của Tổ xác minh, ngày 31/10/2022, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 4535/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà N, trú tại thôn S, xã T, huyện Y, (lần đầu) trong đó có nội dung: *“Giữ nguyên hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y chỉ đạo các quan chuyên môn, UBND xã T thực hiện, bảo vệ thi công làm đường vào 31,95m<sup>2</sup> đất HLGTT tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13 hộ bà N được cấp giấy CNQSDĐ năm 2000 để mở rộng đường tỉnh 292”*.

Không nhất trí, bà N có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

- *Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về vụ việc:*

- Thửa đất hộ bà N đang sử dụng có nguồn gốc do bà N nhận chuyển nhượng từ cụ Nguyễn Nhật T2 năm 1989. Năm 2000, gia đình bà N được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 176m<sup>2</sup> (trong đó 102m<sup>2</sup> đất ở, 74m<sup>2</sup> đất HLGTT).

- Diện tích đất 31,95m<sup>2</sup> UBND huyện Y lấy làm đường thuộc đất HLGTT nên không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại khoản 4, Điều 82 Luật đất đai. Về tài sản trên đất được gia đình bà N tạo lập trên đất HLGTT không đúng quy định, nên gia đình bà N cũng không được bồi thường tiền theo hướng dẫn quy định tại khoản 2, Điều 92 Luật đất đai.

- Việc bà Nguyễn Thị N đề nghị bồi thường đối với 31,95m<sup>2</sup> đất HLGT theo giá đất ở và đề nghị bồi thường đối với tài sản là cây trồng trên đất HLGT là không có cơ sở giải quyết.

- Việc Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 4535/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật. Mặc dù Quyết định giải quyết chưa viện dẫn đầy đủ điều khoản cụ thể theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, không làm thay đổi bản chất nội dung giải quyết vụ việc.

Căn cứ hồ sơ tài liệu thu thập được, căn cứ các quy định tại khoản 4, Điều 82; khoản 2, Điều 92; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 21, điểm e, khoản 2, Điều 31 của Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 463/QĐ-UBND, ngày 31/3/2023 với nội dung: *Thống nhất với giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Y tại Quyết định số 4535/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn S, xã T, huyện Y, (lần đầu).*

- Quyết định số 463/QĐ-UBND, ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, trú tại thôn S, xã T, huyện Y, (lần hai) là đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, đất đai và các quy định khác có liên quan.

- Việc bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 463/QĐ-UBND, ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang là không có căn cứ pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**Ông Nguyễn Văn H, (chồng bà N); anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Lan H1 (đều là con bà N) đều thống nhất trình bày:** Ông H, anh V, chị H1 đều thống nhất với ý kiến và quan điểm của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị N đã trình bày, không bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị N do bà Phạm Thị M là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và trình bày: Căn cứ khoản 1, Điều 74 và Điều 75 Luật đất đai năm 2013, phần đất HLGT của hộ bà N đủ điều kiện được bồi thường tiền khi Nhà nước thu hồi đất vì phần đất này đã được ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ của bà N; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Đỗ Ngọc T trình bày: Luật sư đồng ý với ý kiến của bà Phạm Thị M đã trình bày, không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tại Bản án sơ hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 30, khoản 3, 4, Điều 32, Điều 191, điểm a,, khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; điểm c, khoản 2, Điều 62; điểm a, khoản 2, Điều 66; các Điều 67, 69; 71; khoản 2, Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4535/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Y;

- Hủy Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 về giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh B;

- Hủy kết luận thanh tra số 263/KL-UBND ngày 14/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y.

Buộc Chủ tịch UBND huyện Y thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo đối với người tham gia tố tụng.

Ngày 12/6/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà N vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, trình bày: Bà N đã sử dụng đất từ thời cha ông để lại, được cấp 176m<sup>2</sup>, nhưng năm 2000, UBND huyện Y đã cắt 1 phần 74m<sup>2</sup> làm hành lang giao thông ghi là đất tạm giao. Nhưng không có quy định nào trong luật cho phép nguồn gốc là đất tạm giao, việc cấp Giấy chứng nhận cho nhà bà N là đúng theo quy định, tuy nhiên Ủy ban tỉnh Bắc Giang lại cho là thừa đất cấp trái quy định và không chấp nhận yêu cầu của bà N là trái quy định của pháp luật. Ủy ban tỉnh Bắc Giang đến nay vẫn chưa cắm mốc, căn cứ theo hiến pháp, đất của nhà bà N bị cắt làm đường có đủ điều kiện để bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung vụ án, kháng cáo: Tại phiên tòa, người khởi kiện không đưa ra thêm được chứng cứ, tài liệu mới đặc biệt làm thay đổi nội dung vụ án. Căn cứ

khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2]. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Người khởi kiện, người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bà N, Hội đồng xét xử, thấy:

[2.1]. Xét nguồn gốc sử dụng đất và quá trình thu hồi đất:

[2.1.1]. Diện tích đất gia đình bà Nguyễn Thị N sử dụng là mua của cụ Nguyễn Nhật T2 từ năm 1989. Năm 2000, gia đình bà N được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất tại thửa 211, tờ bản đồ 13, diện tích 176m<sup>2</sup> (trong đó 102m<sup>2</sup> đất ở - sử dụng lâu dài, 74m<sup>2</sup> đất HLG - tạm giao). Gia đình bà N sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

[2.1.2]. Thực hiện Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT.292 (đoạn từ cầu B đến thị trấn P), huyện Y, tỉnh Bắc Giang. UBND huyện Y xây dựng Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 30/8/2021 về việc thu hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện Dự án.

Năm 2021, khi triển khai thực hiện Dự án, một số hộ dân có ý kiến liên quan đến diện tích đất hành lang được ghi trong GCNQSD đất. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện Y đã thành lập đoàn thanh tra việc cấp GCNQSD đất cho các hộ dân. Ngày 14/12/2021, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Kết luận thanh tra số 263/KL-UBND, xác định: Việc cấp 39 GCNQSD đất có ghi phần diện tích đất hành lang giao thông tạm giao và lâu dài, hình thức sử dụng đất hành lang là "*sử dụng riêng*" cho các hộ gia đình là không đúng quy định của Luật đất đai năm 1993, 2003, 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai qua các thời kỳ.



Đối với việc cấp GCNQSD đất và hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2000 của hộ bà Nguyễn Thị N thể hiện: Đơn đăng ký quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N ngày 30/10/2000 đã ghi: Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 176 m<sup>2</sup>, (trong đó có 102 m<sup>2</sup> đất thổ cư, 74m<sup>2</sup> đất hành lang giao thông), thời hạn sử dụng lâu dài. Đơn đăng ký quyền sử dụng đất có ký nhận người sử dụng đất tự kê khai là bà Nguyễn Thị N, tại phần xác nhận của UBND xã T có nội dung: “Đề nghị duyệt cấp 176m<sup>2</sup> đất”. Nhưng tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới của thửa đất đã không thể hiện chỉ giới hành lang đường. Tại GCNQSD đất đã được cấp mang tên hộ bà Nguyễn Thị N có ghi thửa đất số 211, tờ bản đồ số 13, diện tích 176m<sup>2</sup> (trong đó có 102m<sup>2</sup> đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài, 76m<sup>2</sup> đất hành lang tạm giao).

Như vậy, thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị N được cấp GCNQSD đất, nhưng trong GCNQSD đất lại không trừ hành lang giao thông. Trong khi đó việc thực hiện giải tỏa hành lang giao thông đã được quy định từ Nghị định số 203/HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Theo đó, đối với các tuyến quốc lộ đường tỉnh đều phải thực hiện giải tỏa hành lang giao thông. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ bà Nguyễn Thị N và các hộ gia đình khác mà không trừ hành lang giao thông là không đúng quy định của Nghị định số 203/HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng.

Ngày 14/01/2022, UBND huyện Y có Kế hoạch số 06/KH-UBND đảm bảo an ninh trật tự trong việc thi công dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 292 đoạn từ cầu B đến thị trấn P.

Ngày 25/02/2022, UBND xã T lập biên bản xác định diện tích thực tế thực hiện kế hoạch bảo vệ thi công đối với hộ bà N, trong đó xác định diện tích bảo vệ thi công làm đường là 31,95m<sup>2</sup>.

[2.2]. Về các yêu cầu khởi kiện của bà N:

[2.2.1]. Đối với yêu cầu hủy Kết luận thanh tra số 263/KL-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện Y. Do một số hộ dân có ý kiến về việc cấp GCNQSD đất, nên Chủ tịch UBND huyện Y đã thành lập Đoàn thanh tra việc cấp GCNQSD đất cho các hộ dân. Trên cơ sở kết quả thanh tra, báo cáo của đoàn thanh tra, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Kết luận thanh tra số 263/KL-UBND, xác định: Việc cấp 39 GCNQSD đất có ghi phần diện tích đất hành lang giao thông tạm giao và lâu dài, hình thức sử dụng đất hành lang là "sử dụng riêng" cho các hộ gia đình là không đúng quy định của Luật đất đai. Việc ban hành Kết luận đảm bảo về trình tự, nội dung đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Chủ tịch UBND huyện Y thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị N. Diện tích 31,95m<sup>2</sup> đất mà bà N khởi kiện là đất hành lang giao thông, không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất nên không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 4 - Điều 82 Luật đất đai 2013. Tài sản tạo lập trên đất hành lang

giao thông không đúng quy định nên không được bồi thường theo khoản 2 - Điều 92 Luật đất đai. UBND huyện Y không thực hiện các trình tự, thủ tục thu hồi đất là đúng quy định của Luật đất đai. Mặt khác, việc bà N khởi kiện yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Y thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho bà N là không đúng đối tượng vì theo quy định của Luật đất đai năm 2013 thì Chủ tịch UBND huyện Y không có thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà N.

[2.2.3]. Đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 4535/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 về giải quyết khiếu nại và Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 về giải quyết khiếu nại (lần đầu và lần hai) của Chủ tịch UBND huyện Y, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. Các Quyết định giải quyết khiếu nại này đều được ban hành đảm bảo về thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Nội dung giải quyết bác các yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. Từ các phân tích trên thấy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[3]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên bà N phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Đối trừ với số tiền

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm bà N đã nộp tại Biên lai số 0001352 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hà**